

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/03/2021

“ V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Triều Châu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Trung Diễn.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mạnh Tuấn- Thư ký TAND TP.Biên Hòa.

***- Đại diện VKSND thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2499/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 12/3/2021 giữa các đương sự:

**1.** Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh V, sinh năm 1954.

**2.** Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1951.

Cùng trú tại: 109/7 đường Phan Chu Trinh, phường Q, thành phố B, tỉnh Đ.

( Bà V, ông Ch có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh V trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Ch sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1971, có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống. Do hoàn cảnh nên bà và ông Ch không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân bà nộp đơn ly hôn với ông Ch là do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Ch sống buông thả, thường xuyên chửi và xúc phạm bà. Tình cảm vợ chồng không còn nữa, bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn Ch.

Về con chung: Có 02 con chung, cụ thể: Nguyễn Thị Thu L1, sinh năm 1971 và Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1974. Các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Vì lý do bận công việc bà V đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

\*Ông Nguyễn Văn Ch có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và có bản tự khai như sau: Ông không muốn ly hôn với bà V vì vợ chồng đã lớn tuổi, các con đã trưởng thành. Nếu bà V cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý theo yêu cầu của bà V.

Về con chung: Có 02 con chung, cụ thể: Nguyễn Thị Thu L1, sinh năm 1971 và Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1974. Các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không thiếu nợ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà V và ông Ch chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1971, do hoàn cảnh ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định, căn cứ Luật hôn nhân năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì bà V và ông Ch vẫn được pháp luật công nhận như vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà V có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết;

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh V được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Ch cư trú tại phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Ch về việc thụ lý vụ án, làm việc, hòa giải, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa. Ông Ch đã có bản tự khai và có đơn xin vắng mặt. Bà Nguyễn Thị Minh V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông Ch chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1971, do hoàn cảnh ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định, căn cứ Luật hôn nhân năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì bà V và ông

Ch vẫn được pháp luật công nhận như vợ chồng. Theo lời khai của bà V thì vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên gây gổ nhau và đã sống ly thân. Tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Ch. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà V và ông Ch thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm giữa vợ chồng không còn, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải hàn gắn đoàn tụ nhưng bà V cương quyết ly hôn không đồng ý đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn Ch.

[3] Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh V được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên cần ghi nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 207 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 về việc hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân năm 2000.

Căn cứ các Điều 56; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh V. Bà Nguyễn Thị Minh V được ly hôn với ông Nguyễn Văn Ch.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh V được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND TP.Biên Hòa (2);
- Chi cục THA dân sự TP.Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND phường Q, Biên Hòa (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu văn phòng (1).

**Nguyễn Triều Châu**

